

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2 Hà Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc thuộc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1725/QĐ - BXD ngày 04/11/2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000122 ngày 24 tháng 11 năm 2004, thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 09 năm 2009.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HA BAC CONSTRUCTION AND MACHINERY JOINT STOCK COMPANY No 2.

Tên viết tắt: : COMA2

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lương Văn Lực	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/5/2011
	Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14/5/2011
	Ông Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên	
	Ông Đào Đức Thọ	Ủy viên	
	Ông Triệu Ngọc Thịnh	Ủy viên	
	Ông Nguyễn Văn Luận	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/5/2011

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Lương Văn Lực	Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Văn Luận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/3/2011

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Lương Văn Lực**

**Tổng Giám đốc**

*Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2012*

Số: /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2 Hà Bắc

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2 Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 08 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2 Hà Bắc từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cân thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Lưu ý:**

Việc ghi nhận Vốn đầu tư của Chủ sở hữu bao gồm giá trị thương hiệu COMA với số tiền 500.000.000 đồng có sự khác biệt với quy định hiện hành.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV*  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited**  
*Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2012*

---

**Bùi Thị Thúy**  
**Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>98.624.203.429</b>	<b>100.236.983.629</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.134.788.186</b>	<b>4.016.841.297</b>
1. Tiền	111	5.1	2.134.788.186	4.016.841.297
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.759.474.140</b>	<b>75.138.917.104</b>
1. Phải thu khách hàng	131		73.094.254.952	74.910.768.947
2. Trả trước cho người bán	132		568.892.517	1.156.554.849
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	479.792.380	714.687.140
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.383.465.709)	(1.643.093.832)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.214.402.692</b>	<b>19.124.364.283</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	22.214.402.692	19.124.364.283
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.515.538.411</b>	<b>1.956.860.945</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.804.488	91.080.135
2. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	391.815
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.451.733.923	1.865.388.995
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>18.860.876.819</b>	<b>20.965.750.375</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.263.824.034</b>	<b>15.275.583.672</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	12.591.783.346	14.469.134.732
- Nguyên giá	222		27.659.533.322	27.423.533.322
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.067.749.976)	(12.954.398.590)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	672.040.688	806.448.940
- Nguyên giá	228		1.612.899.000	1.612.899.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(940.858.312)	(806.450.060)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.100.000.000</b>	<b>5.100.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.7	5.100.000.000	5.100.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>497.052.785</b>	<b>590.166.703</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	497.052.785	590.166.703
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>117.485.080.248</b>	<b>121.202.734.004</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>91.944.241.686</b>	<b>95.537.032.054</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.334.982.333</b>	<b>94.704.929.201</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	44.840.215.400	40.707.922.441
2. Phải trả người bán	312		20.939.242.053	25.383.374.452
3. Người mua trả tiền trước	313		679.331.402	3.466.873.915
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	8.727.624.334	6.390.133.905
5. Phải trả người lao động	315		3.897.806.782	8.824.798.512
6. Chi phí phải trả	316	5.11	823.262.831	2.062.991.680
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	8.232.579.534	2.802.577.214
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.13	2.976.475.013	4.869.209.408
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		218.444.984	197.047.674
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>609.259.353</b>	<b>832.102.853</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		118.000.000	110.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	318.500.000	528.500.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		172.759.353	193.602.853
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>25.540.838.562</b>	<b>25.665.701.950</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.15	<b>25.540.838.562</b>	<b>25.665.701.950</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.889.700.000	14.889.706.850
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		488.663.400	488.656.550
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.832.949.589	4.850.430.322
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.548.964.042	1.108.849.422
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.780.561.531	4.328.058.806
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>117.485.080.248</b>	<b>121.202.734.004</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
4 Nợ khó đòi đã xử lý		30.893.169	-

**Lương Văn Lực**  
**Tổng Giám đốc**  
 Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2012

**Nguyễn Thị Chanh**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	104.699.890.279	112.464.828.315
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.347.686.259	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	103.352.204.020	112.464.828.315
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	87.715.828.481	96.959.500.137
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>15.636.375.539</b>	<b>15.505.328.178</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	863.285.613	1.081.710.491
7. Chi phí tài chính	22	5.19	9.050.902.210	4.817.852.159
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.803.676.170	4.570.626.119
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.931.807.295	5.964.406.176
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>1.516.951.647</b>	<b>5.804.780.334</b>
11. Thu nhập khác	31	5.20	2.113.900.930	1.243.676.642
12. Chi phí khác	32	5.21	267.209.038	352.361.055
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.846.691.892</b>	<b>891.315.587</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.363.643.539</b>	<b>6.696.095.921</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	680.454.617	1.513.037.115
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2.683.188.922</b>	<b>5.183.058.806</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.802	3.481

**Lương Văn Lực**  
**Tổng Giám đốc**  
 Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2012

**Nguyễn Thị Chanh**  
**Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	107.543.680.304	101.862.104.272
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(80.375.250.993)	(70.374.169.429)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(25.793.131.976)	(18.965.896.210)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.443.752.479)	(4.819.630.480)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(141.674.003)	(330.836.120)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.227.095.005	1.193.891.866
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.485.097.541)	(10.011.378.068)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.468.131.683)</b>	<b>(1.445.914.169)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(236.000.000)	(2.479.850.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		601.040.758
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.285.613	42.311.391
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(188.714.387)</b>	<b>(1.836.497.851)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	97.401.255.872	71.000.877.270
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93.478.962.913)	(64.242.076.923)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.147.500.000)	(2.233.456.028)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.774.792.959</b>	<b>4.525.344.319</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.882.053.111)</b>	<b>1.242.932.299</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.016.841.297</b>	<b>2.773.908.998</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>2.134.788.186</b>	<b>4.016.841.297</b>

**Lương Văn Lực**  
**Tổng Giám đốc**  
 Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2012

**Nguyễn Thị Chanh**  
**Kê toán trưởng**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc thuộc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1725/QĐ - BXD ngày 04/11/2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000122 ngày 24 tháng 11 năm 2004, thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ 15.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	765.000	7.650.000.000	51%
Các cổ đông khác	723.970	7.239.700.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>1.488.970</b>	<b>14.889.700.000</b>	<b>100%</b>

Số lao động bình quân: 391 người

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Thiết kế chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, các loại cần trục, thiết bị phi tiêu chuẩn, thiết bị đồng bộ;
- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chịu áp;
- Gia công chế tạo các thiết bị công nghiệp: chủ yếu là các loại máy cắt tôn, uốn tôn các kích cỡ;
- Chế tạo các thiết bị phụ tùng cho các ngành sản xuất vật liệu xây dựng: gầu tải, vít tải, băng tải, quạt công nghiệp;
- Chế tạo thiết bị, phụ tùng cho ngành xây lắp: giàn giáo, cột chống, dây truyền làm sạch và sơn sản phẩm: mạ điện, mã kẽm nóng các thiết bị công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây dựng các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110KV. Kinh doanh vật liệu xây dựng, các chủng loại vật tư khác phục vụ cho chế tạo, lắp đặt kết cấu thép và thiết bị phi tiêu chuẩn./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2011: Thi công các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Kỳ kế toán/ Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2011.

#### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Công ty và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2011</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 07
Dụng cụ quản lý	04 – 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá và thực hiện trích khấu hao 12 năm.

**Đầu tư vào Công ty con**

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) Công ty con.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích, thời gian phân bổ từ 2 - 3 năm. Thương hiệu COMA được phân bổ trong 10 năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.****5.1 Tiền**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	6.786.329	10.301.642
Tiền gửi ngân hàng	2.128.001.857	4.006.539.655
<b>Tổng</b>	<b><u>2.134.788.186</u></b>	<b><u>4.016.841.297</u></b>

**5.2 Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền bảo hiểm phải thu của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	11.883.950	11.883.950
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	194.830.479	162.847.475
Phải thu người lao động (BHXH, BHYT, BHTN) Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 26	218.977.951	121.034.223
Phải thu khác	54.100.000	95.300.000
<b>Tổng</b>	<b><u>479.792.380</u></b>	<b><u>714.687.140</u></b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	3.994.308.329	4.454.404.337
Công cụ, dụng cụ	58.617.344	105.186.349
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.161.477.019	14.564.773.597
<b>Tổng</b>	<b><u>22.214.402.692</u></b>	<b><u>19.124.364.283</u></b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	1.429.421.923	1.856.076.995
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.312.000	9.312.000
<b>Tổng</b>	<b><u>1.451.733.923</u></b>	<b><u>1.865.388.995</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>9.517.241.525</b>	<b>14.709.142.518</b>	<b>2.826.123.266</b>	<b>371.026.013</b>	<b>27.423.533.322</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>161.200.000</b>	<b>43.800.000</b>	<b>-</b>	<b>31.000.000</b>	<b>236.000.000</b>
Mua trong năm	161.200.000	43.800.000		31.000.000	236.000.000
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>9.678.441.525</b>	<b>14.752.942.518</b>	<b>2.826.123.266</b>	<b>402.026.013</b>	<b>27.659.533.322</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>3.387.309.212</b>	<b>7.940.702.430</b>	<b>1.397.282.458</b>	<b>229.104.490</b>	<b>12.954.398.590</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>400.414.556</b>	<b>1.435.640.676</b>	<b>236.024.419</b>	<b>41.271.735</b>	<b>2.113.351.386</b>
Khấu hao trong năm	400.414.556	1.435.640.676	236.024.419	41.271.735	2.113.351.386
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>3.787.723.768</b>	<b>9.376.343.106</b>	<b>1.633.306.877</b>	<b>270.376.225</b>	<b>15.067.749.976</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2011</b>	<b>6.129.932.313</b>	<b>6.768.440.088</b>	<b>1.428.840.808</b>	<b>141.921.523</b>	<b>14.469.134.732</b>
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>5.890.717.757</b>	<b>5.376.599.412</b>	<b>1.192.816.389</b>	<b>131.649.788</b>	<b>12.591.783.346</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2011 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.807.999.257 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 năm.

**5.7 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con		5.100.000.000		5.100.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 26</i>	<i>510.000</i>	<i>5.100.000.000</i>	<i>510.000</i>	<i>5.100.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>510.000</b>	<b>5.100.000.000</b>	<b>510.000</b>	<b>5.100.000.000</b>

**Thông tin về Công ty con**

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế 31/12/2011
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 26	Sản xuất chế tạo và lắp đặt kết cấu thép các loại	10.000.000.000	51%	51%

**5.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	590.166.703	613.715.888
Tăng trong năm	269.561.491	299.531.998
Phân bổ vào chi phí trong năm	362.675.409	323.081.183
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>497.052.785</b>	<b>590.166.703</b>

**Chi tiết theo nội dung**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	347.052.785	390.166.703
Thương hiệu COMA chờ phân bổ	150.000.000	200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>497.052.785</b>	<b>590.166.703</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.9 Vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	44.630.215.400	40.497.922.441
<i>Ngân hàng Công Thương Lạng Giang (1)</i>	<i>13.479.989.400</i>	<i>14.983.779.182</i>
<i>Ngân hàng Ngoại Thương Bắc Ninh - Phòng giao dịch Bắc Giang (2)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>19.956.236.259</i>
<i>Ngân hàng NN &amp; PTNT Bắc Giang (3)</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>3.199.200.000</i>
<i>Vay cá nhân</i>	<i>8.250.226.000</i>	<i>2.358.707.000</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả	210.000.000	210.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>44.840.215.400</u></b>	<b><u>40.707.922.441</u></b>

(1): Hợp đồng tín dụng số 051 - 024 - 01 - CK2/HĐTD ngày 03/06/2010, hạn mức cho vay 15 tỷ, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay áp dụng theo phương thức thả nổi, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 046-024 - 01- CK2/HĐBĐ ngày 02/06/2010 và Biên bản định giá lại tài sản kèm phụ lục HĐTD số 047,048 - 024 - 01 - CK/BBĐGLTS ngày 20/5/2010.

(2): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 036/10/HM/BG ngày 30/09/2010, hạn mức tối đa 30 tỷ, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp số 159/08/HĐTC/BG ngày 15/12/2008; và hợp đồng thế chấp số 001,002,044,035/10/HĐTC/BG.

(3): Hợp đồng tín dụng số 90704042/HĐTD ngày 09/02/2009, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất quá hạn 150%/tháng so với lãi suất nợ trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ tiền vay

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	5.661.028.035	4.199.315.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.603.745.232	2.064.964.618
Thuế thu nhập cá nhân	243.561.282	125.853.968
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	219.289.785	-
<b>Tổng</b>	<b><u>8.727.624.334</u></b>	<b><u>6.390.133.905</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.11 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí lãi vay	641.783.113	126.560.822
Trích trước chi phí công trình	120.000.000	1.936.430.858
<i>Công trình Thủy điện A Lưới</i>	-	802.000.000
<i>Xi măng Lạng Sơn</i>	-	961.727.222
<i>Nhà xưởng Vĩnh Sáng</i>	-	172.703.636
<i>Công trình Nhiệt Điện Vũng Áng</i>	120.000.000	-
Chi phí phải trả khác	61.479.718	-
<b>Tổng</b>	<b>823.262.831</b>	<b>2.062.991.680</b>

**5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	1.155.335.272	828.908.095
Bảo hiểm xã hội	1.480.668.127	577.813.722
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.596.576.135	1.395.855.397
<i>Tiền ố m đầu thai sản</i>	-	8.528.188
<i>Tiền vay tạm của các cá nhân</i>	2.905.400.000	-
<i>Cổ tức trả các cổ đông</i>	1.085.955.000	-
<i>Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng</i>	1.000.000.000	35.301.726
<i>Phần vốn phải trả Nhà nước sau cổ phần hóa</i>	131.232.323	131.232.323
<i>Chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp</i>	59.858.660	59.858.660
<i>Các khoản phải trả khác</i>	414.130.152	1.160.934.500
<b>Tổng</b>	<b>8.232.579.534</b>	<b>2.802.577.214</b>

**5.13 Dự phòng bảo hành công trình**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng chi phí bảo hành các công trình	2.976.475.013	4.869.209.408
<b>Tổng</b>	<b>2.976.475.013</b>	<b>4.869.209.408</b>

**5.14 Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay ngân hàng	318.500.000	528.500.000
<i>Ngân hàng Ngoại Thương Bắc Giang (1)</i>	318.500.000	528.500.000
<b>Tổng</b>	<b>318.500.000</b>	<b>528.500.000</b>

(1): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 007/10/OTO/BG tháng 10 năm 2010, số tiền vay 738.500.000 đồng, thời hạn vay 42 tháng, lãi suất thả nổi và điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay là mua mới 01 chiếc xe ô tô TOYOTA CAMRY LE 05 chỗ ngồi. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ tiền vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.15 Vốn chủ sở hữu****Vốn điều lệ**

	Vốn Điều lệ theo Giấy Đăng ký kinh doanh số 2003000122 ngày 26/09/2009			Vốn góp thực tế góp đến 31/12/2011	
	Cổ phần	VND	%	VND	%
Phần vốn Nhà nước	765.000	7.650.000.000	51%	7.650.000.000	51%
Các cổ đông khác	735.000	7.350.000.000	49%	7.239.700.000	48%
<b>Tổng</b>	<b>1.500.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>14.889.700.000</b>	<b>99%</b>

**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn Nhà nước	7.650.000.000	7.650.000.000
Các cổ đông khác	7.239.700.000	7.239.706.850
<b>Tổng</b>	<b>14.889.700.000</b>	<b>14.889.706.850</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của Chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng</b>
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>14.889.706.850</b>	<b>488.656.550</b>	<b>3.007.378.878</b>	<b>695.966.190</b>	<b>4.128.832.320</b>	<b>23.210.540.788</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>1.843.051.444</b>	<b>412.883.232</b>	<b>5.183.058.806</b>	<b>7.438.993.482</b>
Từ phân phối lợi nhuận	-	-	1.843.051.444	412.883.232	-	2.255.934.676
Lãi	-	-	-	-	5.183.058.806	5.183.058.806
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>4.983.832.320</b>	<b>4.983.832.320</b>
Trích quỹ	-	-	-	-	2.233.456.028	2.233.456.028
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.750.376.292	2.750.376.292
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>14.889.706.850</b>	<b>488.656.550</b>	<b>4.850.430.322</b>	<b>1.108.849.422</b>	<b>4.328.058.806</b>	<b>25.665.701.950</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>14.889.706.850</b>	<b>488.656.550</b>	<b>4.850.430.322</b>	<b>1.108.849.422</b>	<b>4.328.058.806</b>	<b>25.665.701.950</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>6.850</b>	<b>1.982.519.267</b>	<b>440.114.620</b>	<b>2.683.188.922</b>	<b>5.105.829.659</b>
Từ phân phối lợi nhuận	-	-	1.982.519.267	440.114.620	-	2.422.633.887
Lãi	-	-	-	-	2.683.188.922	2.683.188.922
Tăng khác	-	6.850	-	-	-	6.850
<b>Giảm trong năm</b>	<b>6.850</b>	-	-	-	<b>5.230.686.197</b>	<b>5.230.693.047</b>
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.233.455.000	2.233.455.000
Trích quỹ	-	-	-	-	2.997.231.197	2.997.231.197
Giảm khác	6.850	-	-	-	-	6.850
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>14.889.700.000</b>	<b>488.663.400</b>	<b>6.832.949.589</b>	<b>1.548.964.042</b>	<b>1.780.561.531</b>	<b>25.540.838.562</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.488.970</b>	<b>1.488.971</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.488.970	1.488.971
Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/ cổ phiếu</b>		

**5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu từ lắp đặt, chế tạo	104.699.890.279	112.464.828.315
<b>Tổng</b>	<b>104.699.890.279</b>	<b>112.464.828.315</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.347.686.259	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>103.352.204.020</b>	<b>112.464.828.315</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn từ lắp đặt, chế tạo	87.715.828.481	96.959.500.137
<b>Tổng</b>	<b>87.715.828.481</b>	<b>96.959.500.137</b>

**5.18 Doanh thu tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.285.613	316.710.491
Cổ tức, lợi nhuận được chia	816.000.000	765.000.000
<b>Tổng</b>	<b>863.285.613</b>	<b>1.081.710.491</b>

**5.19 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	8.409.119.097	4.570.626.119
Chi phí lãi vay trích trước	641.783.113	247.226.040
<b>Tổng</b>	<b>9.050.902.210</b>	<b>4.817.852.159</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.20 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập về thanh lý tài sản cố định	-	772.727.273
Hoàn trích lập dự phòng bảo hành công trình	1.892.734.395	181.869.040
Xử lý các công nợ nhỏ lẻ	221.166.535	189.753.946
Thu nhập khác	-	99.326.383
<b>Tổng</b>	<b>2.113.900.930</b>	<b>1.243.676.642</b>

**5.21 Chi phí khác**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	171.686.515
Chi phí chậm nộp Bảo hiểm	112.695.210	-
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	126.680.463	-
Phạt vi phạm hợp đồng - Công ty Đạm Hà Bắc	24.832.000	-
Chi phí khác	3.001.365	180.674.540
<b>Tổng</b>	<b>267.209.038</b>	<b>352.361.055</b>

**5.22 Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.363.643.539</b>	<b>6.696.095.921</b>
Điều chỉnh tăng	174.174.928	121.052.542
Điều chỉnh giảm	816.000.000	765.000.000
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>2.721.818.467</b>	<b>6.052.148.463</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>680.454.617</b>	<b>1.513.037.115</b>

**5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>2.683.188.922</b>	<b>5.183.058.806</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>2.683.188.922</b>	<b>5.183.058.806</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.488.970	1.488.971
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.802</b>	<b>3.481</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.24 Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.249.679.023	60.213.916.049
Chi phí nhân công	23.966.979.348	23.977.598.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.247.759.638	2.161.691.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.739.281.313	9.770.644.970
Chi phí khác bằng tiền	2.844.273.737	2.055.275.788
<b>Tổng</b>	<b>97.047.973.059</b>	<b>98.179.126.568</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch nhân sự chủ chốt**

	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	809.153.126

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Giao dịch mua hàng</b>				
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Mua hàng	-	348.526.812
		Phí thương hiệu	-	387.898.044
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Số 26	Công ty con	Mua hàng	961.727.222	545.300.000
<b>Giao dịch bán hàng</b>				
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Bán hàng	17.006.331.528	48.707.088.156
		Lãi trả chậm	-	274.399.100
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Số 26	Công ty con	Quạt ly tâm, chèn tạo nắp bạc	60.000.000	90.066.760
<b>Giao dịch khác</b>				
<b><i>Chia cổ tức</i></b>				
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Chia cổ tức	1.147.500.000	1.147.500.000
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Số 26	Công ty con	Nhận cổ tức	816.000.000	765.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**Số dư với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Các khoản phải thu</b>				
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Bán hàng	22.697.886.950	37.175.366.072
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Số 26	Công ty con	Ứng trước cho người bán	106.770.143	75.391.916
<b>Các khoản phải trả</b>				
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Số 26	Công ty con	Mua hàng	37.899.945	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>				
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Tiền bảo hiểm	11.883.950	11.883.950
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Số 26	Công ty con	Cổ tức	-	323.621.492
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>				
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Cổ tức	-	12.772.368
		Lãi vay	-	35.301.726
		Tiền vay	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Phí thương hiệu	-	288.224.132

**6.2 Điều chỉnh hồi tố**

Căn cứ theo Quyết định số 2731/QĐ - KTT1 ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Cục trưởng Cục thuế Bắc Giang, Biên bản kiểm tra thuế ngày 06/12/2011 về việc kiểm tra thuế tại Báo cáo tài chính năm 2010. Chênh lệch cụ thể như sau:

*Bảng cân đối kế toán*

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2011	Số dư tại 31/12/2010	Chênh lệch
Phải thu khác	714.687.140	796.406.092	(81.718.952)
<b>Công thay đổi Tài sản</b>			<b>(81.718.952)</b>
Thuế TNDN phải nộp	2.064.964.618	2.059.993.749	4.970.869
Thuế thu nhập cá nhân	125.853.968	207.572.920	(81.718.952)
Chi phí phải trả	2.062.991.680	2.082.875.158	(19.883.478)
Lợi nhuận chưa phân phối	4.328.058.806	4.313.146.197	14.912.609
<b>Cộng thay đổi Nguồn vốn</b>			<b>(81.718.952)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

*Báo cáo kết quả kinh doanh*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2010 (sau điều chỉnh)</b>	<b>Năm 2010 (trước điều chỉnh)</b>	<b>Chênh lệch</b>
Chi phí tài chính	4.817.852.159	4.837.735.637	(19.883.478)
Chi phí thuế TNDN	1.513.037.115	1.508.066.246	4.970.869
Lợi nhuận sau thuế	5.183.058.806	5.168.146.197	14.912.609
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.481	3.471	10

**6.3 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited. Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

---

**Lương Văn Lực****Tổng Giám đốc***Bắc Giang, ngày 8 tháng 3 năm 2012*

---

**Nguyễn Thị Chanh****Kê toán trưởng**